

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2018/HSST
Ngày: 28/6/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Ngọc Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Văn Đến

2. Bà Trần Thị Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiên Thị Minh Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2018/HSST ngày 19 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Ch H Ng, sinh 1984; ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: số 726, khóm X, phường Y, thành phố V, tỉnh Trà Vinh; Trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Ch Th, sinh năm 1963 (không rõ còn sống hay đã chết); và bà M. T. H, sinh năm 1963; vợ: Tr. T. N. M, sinh năm 1987; con ruột: 01 người sinh năm 2006;

Tiền sự: không.

Tiền án: Bị cáo có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản, cụ thể bản án số 34/HSPT ngày 04/9/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tuyên phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo; Bản án số 64/HSST ngày 28/11/2006 của Tòa án nhân dân thị xã Trà Vinh tuyên phạt 04 năm tù và Bản án số 30/HSST ngày 10/5/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh tuyên phạt 05 năm tù. Bị cáo Ng chấp hành xong bản án số 34/HSPT ngày 04/9/2003 và Bản án số 64/HSST ngày 28/11/2006 vào ngày 26/01/2010, đến ngày bị cáo Ng phạm tội bị xét xử theo Bản án số 30/HSST ngày 10/5/2013 thì thời hạn hơn 02 năm, nên bị cáo Ng được đương nhiên xóa án tích theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015. Hiện tại bản án số 30/HSST ngày 10/5/2013 đối với bị cáo Ng chưa được xóa án tích, do đó bị cáo Ng chấp hành xong vào ngày 08/11/2016.

Tại Bản án số 08/HSST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện MCN, tỉnh Bến Tre tuyên phạt 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “tạm giam” từ ngày 23/11/2017 đến ngày 26/11/2017 chuyển tạm giam cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Anh H. V C, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: ấp XT , xã NH, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, Ng vụ liên quan:

Bà M. T. H, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: số 726, khóm X, phường Y, thành phố V, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Ch H Ng về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 07/8/2017 bị cáo Ch H Ng điều khiển xe mô tô hai bánh chở theo một người bạn tên gọi là H (do bị cáo quen biết tại quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng bị cáo không biết rõ họ tên và chỗ ở của H) lưu thông trên Quốc lộ 53 theo hướng thành phố Trà Vinh – Thành Phố Hồ Chí Minh. Khi đến trước cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại di động với tên biển hiệu Tiên Tiến của anh H. V C (sinh năm 1984, cư ngụ ấp XT , xã NH, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh), cửa hàng này phía trước nhà của anh C và cặp Quốc lộ 53 thì H kêu bị cáo Ng dừng xe lại để vào cửa hàng tìm tài sản bán kiếm tiền đồ xăng và tiêu xài, Ng đồng ý. Sau đó, bị cáo Ng dừng xe lại bên ngoài lộ nhựa, H nói với bị cáo Ng ở ngoài quan sát có người thì báo cho H, đồng thời kêu bị cáo Ng đi tìm giỏ để đựng tài sản. Nói xong, H xuống xe đi đến khu vực cửa hàng, rồi đến vị trí cửa sau cạy cắt khóa cửa, đột nhập vào bên trong tiếp tục mở các ổ khóa tủ kính đang đựng tài sản. Trong thời gian này, bị cáo Ng điều khiển xe đi tìm lấy một cái bao ở gần đó rồi quay trở lại cửa hàng đợi H. Sau khi mở được các tủ đựng tài sản, H vẫy tay ra hiệu để bị cáo Ng mang bao vào, rồi Ng cùng với H lấy tài sản bỏ vào bao mang ra xe. Các tài sản H và bị cáo Ng lấy được của anh C gồm: 04 pin sạc dự phòng, chưa qua sử dụng, không rõ nhãn hiệu (02 pin có dung lượng là 5.000 mAh, 01 pin dung lượng 7.500mAh và 01 pin dung lượng 10.000mAh); 01 thiết bị phát Wifi bằng 3G, chưa qua sử dụng, không rõ nhãn hiệu; 01 tai nghe điện thoại di động không dây (loại thu sóng Bluetooth), chưa qua sử dụng, không rõ nhãn hiệu; 07 điện thoại di động (01 nhãn hiệu iPhone 6 đã hỏng không sử dụng được, 01 nhãn hiệu iPhone 4 đã hỏng không sử dụng được, 05 điện thoại di động còn lại loại màn hình cảm ứng, đều đã hỏng không sử dụng được và không rõ nhãn hiệu); 03 cục sạc pin điện thoại di động, chưa qua sử dụng; không rõ nhãn hiệu; 06 thẻ sim số điện thoại di động, chưa kích hoạt sử dụng và số tiền Việt Nam, tổng cộng 200.000 đồng.

Sau khi lấy được số tài sản trên, bị cáo Ng và H đem đến chợ Dân Sinh tại Thành Phố Hồ Chí Minh bán nhưng không có người mua, nên H đã mang toàn bộ đem cất giữ để tìm nơi khác bán. Khoảng một tuần sau, bị cáo Ng điện thoại hỏi thì H nói đã bán được 1.000.000 đồng và nói để gặp Ng chia tiền, Nhưng cho đến ngày 22/11/2017, bị cáo Ng bị Công an huyện MCN, tỉnh Bến Tre bắt về hành vi trộm cắp xe mô tô trên địa bàn huyện MCN thì Ng vẫn chưa gặp được H để nhận tiền đã bán có được từ tài sản lấy trộm của anh C.

Về vật chứng của vụ án: Chiếc xe mô tô hai bánh bị cáo Ng sử dụng làm phương tiện chở H đi trộm cắp tài sản nêu trên là của H, không thu giữ được; các tài sản của anh H. V C đã bị mất trộm như nêu trên không thu giữ được, 01 USB 2.0, nhãn hiệu Kingston, dung lượng lưu trữ 4GB; USB này đã được niêm phong; bên trong bộ nhớ của USB có lưu đoạn video về diễn biến việc bị cáo Ch H Ng cùng với một người lấy trộm tài sản, đoạn video này được trích xuất từ Camera an ninh của anh H. V C lắp đặt tại cửa hàng điện thoại di động của anh C.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 28/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành xác định toàn bộ số tài sản H và bị cáo Ng lấy trộm của anh H. V C tại thời điểm bị thiệt hại có giá trị bằng 3.590.000 đồng (không kể tiền Việt Nam 200.000 đồng).

Mẹ của bị cáo Ch H Ng là bà M. T. H đã bồi thường thiệt hại cho anh H. V C tổng số tiền 3.790.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 20/VKS-HS ngày 15/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo Ch H Ng về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa bị cáo Ch H Ng thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, cho rằng: Việc truy tố hành vi của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên bảo lưu toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Ch H Ng phạm tội “Trộm cắp tài sản”, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) xử bị cáo Ch H Ng từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999 tổng hợp hình phạt với bản án của Tòa án nhân dân huyện MCN, tỉnh Bến Tre, hình phạt chung bị cáo phải chấp hành từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Anh H. V C là người bị hại có đơn xin vắng mặt, anh cho rằng mẹ ruột của bị cáo Ch H Ng là bà M. T. H đã bồi thường thiệt hại tổng số tiền 3.790.000 đồng xong, anh không yêu cầu bồi thường thêm. Căn cứ Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Điều 589 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Ghi nhận người bị hại H. V C không yêu cầu bị cáo Ch H Ng phải bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với người có quyền lợi, Ng vụ liên quan là bà M. T. H bà cho rằng bà là mẹ ruột của bị cáo Ch H Ng, số tiền 3.790.000 đồng bà đã bồi thường thiệt hại mà bị hại cho anh H. V C nhưng vì bị cáo Ng là con ruột của bà, bà cũng phải có trách nhiệm cùng với bị cáo, nên bà không có yêu cầu gì, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô hai bánh bị cáo Ng sử dụng làm phương tiện chở H đi trộm cắp tài sản nêu trên là của H, không thu giữ được; các tài sản của anh H. V C đã bị mất trộm như nêu trên không thu giữ được, 01 USB 2.0, nhãn hiệu Kingston, dung lượng lưu trữ 4GB; USB này đã được niêm phong; bên trong bộ nhớ của USB có lưu đoạn video về diễn biến việc bị cáo Ch H Ng cùng với một người lấy trộm tài sản, đoạn video này được trích xuất từ Camera an ninh của anh H. V C lắp đặt tại cửa hàng điện thoại di động của anh C.

Đối với người có tên gọi là H, theo bị cáo Ch H Ng khai quen biết tại đường Lê Văn Quới thuộc quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành đã tiến hành xác minh nhưng vẫn không xác định được người cụ thể nên khi nào xác định được rõ sẽ xử lý sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, Ng vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận vi phạm tội của bị đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu trên. Bị cáo nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ cơ sở xác định:

Khoảng 23 giờ ngày 07/8/2017 ấp XT , xã NH, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh bị cáo Ch H Ng cố ý lén lút chiếm đoạt 04 pin sạc dự phòng, 01 thiết bị phát Wifi băng 3G, 11 tai nghe điện thoại di động; 07 điện thoại di động 23 cục sạc pin điện thoại di động, 06 thẻ sim số điện thoại di động và số tiền Việt Nam 200.000 đồng; tổng giá trị tài sản là 3.790.000 đồng của người bị hại H. V C.

Bị cáo Ch H Ng là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Đây là lỗi cố ý trực tiếp của bị cáo. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh H. V C. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Ch H

Ng phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009). Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản tại địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thì ngày 20/11/2017 bị cáo Ch H Ng tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện MCN, tỉnh Bến Tre. Tại bản án số:08/2018 của Tòa án nhân dân huyện MCN, tỉnh Bến Tre đã xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2017. Bị cáo không kháng cáo, án đã có hiệu lực thi hành. Do đó, áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt của hai bản án đối với bị cáo.

Bị cáo có cơ nhân thân xấu đã 03 lần bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm sở hữu tài sản hợp pháp, gây ảnh hưởng không tốt đến tình hình an ninh trật tự khu dân cư nơi xảy ra vụ án, gây tâm lý bất an cho người dân. Vì vậy, việc cách ly bị cáo Ch H Ng ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này hiện nay.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Ch H Ng phạm tội với tình tiết tăng nặng tái phạm được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, gia đình bị cáo đã khắc phục hậu quả cho người bị hại, được quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

[4] Về trách nhiệm dân sự: Anh H. V C có đơn xin xét xử vắng mặt không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với người có quyền lợi, Ng vụ liên quan là bà M. T. H bà cho rằng bà là mẹ ruột của bị cáo Ch H Ng, số tiền 3.790.000 đồng bà đã bồi thường thiệt hại mà bị hại cho anh H. V C nhưng vì bị cáo Ng là con ruột của bà, bà cũng phải có trách nhiệm cùng với bị cáo, nên bà không có yêu cầu gì, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

- USB chứa đoạn video clip trích xuất từ máy camera của người bị hại tiếp tục lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

- Chiếc xe mô tô hai bánh bị cáo Ch H Ng sử dụng làm phương tiện chở H đi trộm cắp tài sản nêu trên là của H, không thu giữ được; các tài sản của anh H. V C đã bị mất trộm như nêu trên không thu giữ được.

[6] Về án phí: Bị cáo Ch H Ng phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H. V C là bị hại vắng mặt nên thời hạn kháng cáo tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Ch H Ng phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009);

Xử phạt: Bị cáo Ch H Ng 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Áp dụng Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999 tổng hợp hình phạt với bản án số 08/2018/HSST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện MCN, tỉnh Bến Tre đã xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Ch H Ng phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Ghi nhận bị hại H. V C không yêu cầu bị cáo Ch H Ng phải bồi thường thiệt hại, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người có quyền lợi, Ng vụ liên quan là bà M. T. H không có yêu cầu gì, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; USB chứa đoạn video clip trích xuất từ máy camera của người bị hại tiếp tục lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

- Chiếc xe mô tô hai bánh bị cáo Ch H Ng sử dụng làm phương tiện chở H đi trộm cắp tài sản nêu trên là của H, không thu giữ được; các tài sản của anh H. V C đã bị mất trộm như nêu trên không thu giữ được.

Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Ch H Ng phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, Ng vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND H.Châu Thành;
- CC THADS H.Châu Thành;
- Sở tư pháp tỉnh TV;
- NTG CA H.Châu Thành;
- Công an H.Châu Thành;
- Bị cáo;
- Những người TGTT;
- Lưu VP, HS.

Kim Thị Ngọc Thu

